

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2019

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính

2. Bà Châu Thị Phương Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 695/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M – sinh năm: 1993

Trú tại: thôn 2, xã HS, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

* **Bi đơn:** Ông Trần Văn S – sinh năm: 1989

Trú tại: thôn TB, xã TT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà M, vắng mặt ông S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Trần Thị M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó bà và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, ông S thường đánh bà nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Bà và ông S đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 đến nay, mạnh ai nấy sống, nay không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung, bà và ông S có hai con là Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 15/3/2013 và Trần Thị Trâm A, sinh ngày 20/3/2015. Từ khi không còn sống chung đến nay thì ông S là người

trực tiếp nuôi con Ngọc Q, còn bà nuôi con Trâm A. Nay bà yêu cầu mỗi người nuôi một con như hiện nay và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho mẹ ruột bà Đỗ Thị H cùng cư trú với ông S và niêm yết theo quy định của pháp luật nhưng ông S không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt ông S là đúng quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn S cư trú tại thôn TB, xã TT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Trần Văn S đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, ông S đã tự khước từ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông S là hợp pháp, ông bà đã được Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2012 ngày 04/7/2012.

Bà M cho rằng, trong quá trình chung sống bà và ông S không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà và ông S đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 đến nay, mạnh ai nấy sống. Chính quyền địa phương cũng xác nhận bà M đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2015 đến nay. Về phía ông S, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S đến Tòa để giải quyết, hòa giải nhưng ông S không đến, chứng tỏ ông không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M. Như vậy khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của bà M là phù hợp với thực tế hiện nay ông S trực tiếp nuôi con Trần Thị Ngọc Q, còn bà trực tiếp nuôi con Trần Thị Trâm A. Do đó để cuộc sống của hai cháu được ổn định nên cần tiếp tục giao cháu Ngọc Q cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trâm A cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Áp dụng:** Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51, 53, 19, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M, bà M được ly hôn ông Trần Văn S.

Về con chung: Giao cho ông Trần Văn S được tiếp tục trực tiếp nuôi con Trần Thị Ngọc Q (giới tính nữ), sinh ngày 15/3/2013. Giao cho bà Trần Thị M được tiếp tục trực tiếp nuôi con Trần Thị Trâm A (giới tính nữ), sinh ngày 20/3/2015. Bà M và ông S không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, bà M và ông S vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con.

Về án phí: Bà Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 05/12/2018 bà M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0023843 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được chuyển S án phí. Bà M đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- Ủy ban nhân dân xã Tiến Thành;
- Thi hành án dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Phong Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Phương Hằng

Nguyễn Bính

Phạm Phong Lan

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- Ủy ban nhân dân xã Tiến Lợi;
- Thị hành án dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Khắc Tuấn

Nguyễn Thị Việt Sáu

Phạm Phong Lan

Nơi nhận :

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Ủy ban nhân dân phường Hàm Tiến
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Liêm

Lưu Thị Thôi

Phạm Phong Lan

Nơi nhận :

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Ủy ban nhân dân xã Tiến Lợi
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan

HAI HOÄI THẢM NHAÂN DAÂN THẢM PHAÙN – CHUÛ TOÏA PHIEÂN TOØA

